

KỂ CHUYỆN NAM KỲ QUA BÁO “LỤC TỈNH TÂN VĂN”

Hứa Hoàn

Chồng báo Lục Tỉnh Tân Văn chúng tôi hiện có trước mặt, xuất bản từ tháng giêng năm 1942 tới 3/1945, gồm trên dưới 200 trang. Đây là tài liệu của tòa soạn Chính Đạo sưu tập, sao chụp từ văn khố Bộ Thuộc Địa Pháp, cho phép chúng tôi sử dụng. Xin cảm tạ TS Chính Đạo.

Thời gian từ năm 1940 đến 3/1945, Nhựt đã vào Đông Dương, cai trị gián tiếp qua nhà cầm quyền Pháp. Chúng tôi xin nói thêm: năm 1907 tại Nam Kỳ tờ báo Lục Tỉnh Tân Văn đầu tiên xuất bản ngày 14/11/1907, do ông Pierre Jeantet làm chủ nhiệm và Trần Nhựt Thăng, tức Trần Chánh Chiêu làm chủ bút.

Ông Chiêu vô dân Tây, còn gọi Gilbert Chiêu (1867 - 1919), cũng được gọi Phủ Chiêu, sanh tại Rạch Giá, trong một gia đình giàu. Thuở nhỏ, Trần Chánh Chiêu theo học trường College D'Adran (trường thông ngôn). Khi làm báo Lục Tỉnh Tân Văn, Gibert Chiêu có tinh thần cách mạng, bí mật hoạt động với hoàng thân Cường Để, tại Nam Kỳ, ông kêu gọi đồng bào duy tân, tiếng miền Nam thuở đó gọi là cuộc minh tân. Về chính trị Lục Tỉnh Tân Văn cổ động việc công kích chính quyền thuộc địa. Về kinh tế, kêu gọi đồng bào cạnh tranh với Hoa kiều để giành quyền lợi. Cá nhân ông Chiêu bí mật qua Hongkong hội đàm với cụ Phan Bội Châu. Ông Chiêu có đưa một người con là Jules Tiết qua Hongkong du học, đồng thời ông cũng qua Nhựt Bản để gặp Cường Để. Nhờ sự hoạt động hăng hái của ông Chiêu, tại Nam kỳ có khoảng hơn 100 du học sinh, con các điền chủ, được bí mật gửi qua Nhựt học tập. Báo Lục Tỉnh Tân Văn đăng nhiều bài có khuynh hướng chống Pháp, nên bị mật thám theo dõi. Các biến cố chính trị dồn dập: phong trào chống thuế ở Trung kỳ (1908), Vụ Hà thành đầu độc cùng năm đó... khiến thực dân ra lệnh đóng cửa tờ báo. Trần Chánh Chiêu cũng bị bắt và phong trào Minh tân Nam kỳ lắng dịu rồi tan rã.

Tờ Lục Tỉnh Tân Văn xuất bản trong thời gian cuộc thế chiến thứ hai (1939 - 1945) là của Schneider bán lại cho ông Huyện Cửa, tức Nguyễn Văn Cửa, tri huyện hàm, một nhân vật tay trắng làm nên sự nghiệp hồi Tây mới qua, cả Nam kỳ lục tỉnh ai cũng nghe nhắc tới tên ông.

Thời gian này, tình hình sinh hoạt của dân chúng Nam Kỳ, nhưt là nông dân nghèo càng thêm bi thảm. Qua trung gian chính quyền Pháp, cũng như do chính sách bóc lột trực tiếp của Pháp, bao nhiêu tài nguyên, lương thực đều bị cả hai đế quốc thu vét để nuôi dưỡng chiến tranh. Do sự gián đoạn với chính quốc Pháp, các thứ hàng nhu yếu phẩm như vải, dầu lửa, dầu xăng, diêm quẹt, đường, muối, gạo, than đá... tất cả đều bị kiểm soát, mua phải có phiếu và rất hạn chế.

Để được phép xuất bản trong thời gian này, báo Lục Tỉnh Tân Văn phải khôn khéo để làm vừa lòng cả hai ông chủ khó tính Pháp và Nhựt. Lập trường thân Pháp mà cũng không làm phật lòng Nhựt, cũng giống như hai tờ báo tiếng Pháp thời đó: L'Action và L'Opinion Impartial (Công Luận). Với hai tờ báo tiếng Pháp này, chúng tôi hiện có gần 40 tờ để tham khảo.

Tờ L'Action chính là cái loa tuyên truyền của Nhựt trong thời gian từ khi đảo chính Pháp, đến khi đầu hàng Đồng Minh.

Kể từ khi ông Huyện Cửa mua lại tờ Lục Tỉnh Tân Văn, thì người đứng ra trông nom thực sự tờ báo này là ông Lâm Văn Ngọ, tức ông Huyện Ngọ, cũng là huyện danh dự hay huyện hàm. Phía trên, bên trái tờ báo có ghi: Tiền bạc, bài vở và thơ từ, xin gởi cho chủ nhơn: Bà góa phụ Nguyễn Văn Cửa, vì lúc này ông Huyện Cửa đã qua đời. Nhắc lại cuộc đời ông Huyện Cửa, tình cờ chúng tôi quen được với ông Lâm Vĩnh Thế, con của ông Lâm Văn Ngọ. Trong thư riêng cho tác giả, anh Lâm Vĩnh Thế viết:

Ba tôi, ông huyện hàm Lâm Văn Ngọ rất ghét Tây, trọn đời không chịu đi làm cho Pháp. Ông làm cho nhà in Nguyễn Văn Cửa, và sau đó làm ký giả cho báo Lục Tỉnh Tân Văn. Tôi có được xem cái thẻ ký giả của ba tôi, do mẹ tôi cất giữ, rất tiếc, bây giờ không tìm ra. Ông Nguyễn Văn Cửa chính là ông dượng của tôi. Sau khi bà vợ lớn mất, ông Cửa tục huyền với bà vợ thứ hai, chính là chị lớn của ông nội tôi. Bà vợ lớn là thân mẫu của Trung Tướng Nguyễn Văn Xuân. Bà chị của ông nội tôi ăn ở với ông Cửa không con, lại mất sớm. Ông huyện Cửa lại tái hôn một lần nữa, lần này là thứ ba, sanh rất nhiều con cho ông. Người con gái út là cô Mươi Marcelle, cũng chính là vợ của dược sĩ La Thành Nghệ, chủ nhà thuốc tây và công ty dược phẩm La Thành. Hiện tôi còn giữ được một tấm ảnh chụp tại văn phòng của nhà in Nguyễn Văn Cửa. Ba tôi và ông nội tôi (em vợ của ông Cửa) cũng làm tại nhà in này, ngồi đối diện nhau tại một cái bureau (bàn viết) rất lớn. Ba tôi (Lâm Văn Ngọ) mất tháng giêng năm 1948...

Như vậy, bà góa phụ Nguyễn Văn Cửa, ghi phía trên bên trái tờ Lục Tỉnh Tân Văn chính là vợ thứ ba, là nhạc mẫu của ông La Thành Nghệ. Năm 1967, dược sĩ La Thành Nghệ có ra ứng cử thượng nghị sĩ quốc hội, thời đệ nhị cộng hòa (1964-75) trong liên danh Cái Chuông.

Nhắc về lai lịch nhà in Nguyễn Văn Cửa được giới thượng lưu trí thức Nam Kỳ đều biết. Nguyên thủy nhà in này là của ông Đinh Thái Sơn, một người nghèo nhưng có chí, quê quán ở Nghệ An vào Saigon lập nghiệp đầu thế kỷ 20. Là tín đồ Thiên Chúa giáo, nên buổi đầu Đinh Thái Sơn được họ đạo Tân Định tận tình giúp đỡ. Thấy cậu học trò khó chuyên cần, có chí, nên buổi đầu Đinh Thái Sơn được giới thiệu nghề đóng sách trong kho sách của chính phủ Nam Kỳ. Lần lượt Đinh Thái Sơn mở một nhà in nhỏ, chuyên in sách cho họ đạo và của chính phủ. Ngoài ra, ông Sơn còn có một tiệm bán sách báo, tạp hóa. Thuở đó, ông Sơn có sáng kiến nhận đặt hàng của khách lục tỉnh, ông mua rồi gởi tới nơi qua bưu điện theo lối chuyển hóa giao ngân (trao hàng trả tiền)... rồi tiệm của ông lần lượt phát đạt nhờ các dịch vụ sửa xe đạp (lúc ấy gọi là xe máy), bán đèn măng sông (manchon), một thứ đèn thông dụng, được các điền chủ và giới trung nông thôn xài nhiều nhưt.

Khi trở thành giàu lớn, ông sang lại nhà sách và tạp hóa ấy cho người bạn là Nguyễn Văn Viết. Thấy ông làm ăn giỏi, có sáng kiến, một ông bá hộ tên Câu Toán, gả con gái cho, nên ông Đinh Thái Sơn đặt tên hiệu tiệm là Phát Toán.

Sau khi sang nhà in và nhà sách cho người khác, ông Đinh Thái Sơn bèn hùn với một nhà triệu phú nổi tiếng có cuộc sống vương giả, nhưng lại giỏi kinh doanh là ông Lê Phát An. Ông An là con lớn của ông Huyện Sĩ, tức Lê Phát Đạt, nhà giàu số một Nam kỳ hồi đầu thế kỷ này. Ông An là người Nam Kỳ, dân giả đầu tiên được phong tước hiệu cao quý nhưt của triều đình là Denis An Định Vương, vì có công gả cháu gái là Jeanette Nguyễn Thị Hữu Lan cho hoàng đế Bảo Đại, năm 1934. Hôn lễ cử hành trọng thể ngày 10/3/34 tại điện Kiến Trung ở Huế, và sắc phong cho cô Lan làm Nam Phương hoàng hậu. Thân phụ cô Lan, tức ông Nguyễn Hữu Hào cũng được phong làm Long Mỹ Quận Công. Hiện nay tại một ngọn đồi gần thác Cam Ly, Đà Lạt

còn ngôi mộ của hai ông bà Long Mỹ quận công, được dân chúng quen gọi là Lăng Nguyễn Hữu Hào (Hàng năm tại Huế có làm lễ kỷ niệm ngày sanh của Nam Phương hoàng hậu gọi là lễ Trường hi. (tài liệu Soverains et des Notabilités D'Indochine , trang 3).

Trong dịp gả cháu gái cho hoàng đế, ông Denis Lê Phát An còn tặng cháu một triệu đồng bạc mặt làm của hồi môn, là một số tiền quá lớn hồi năm 1934. Nếu tính trị giá bằng tiền Mỹ kim ngày nay, lên tới mấy chục triệu đồng. Cuối năm 1942, hoàng đế Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương được toàn quyền mời vào thăm Nam kỳ. Thay vì cư ngụ tại các dinh chính phủ dành cho, hoàng đế Bảo Đại đến ngụ tại dinh Mont Joye của ông Lê Phát An trên Hạnh Thông Tây. Ông Lê Phát An là một triệu phú, từng làm chủ đồn điền ở Nam kỳ, Đà Lạt và hàng chục nhà máy phát điện cả Nam kỳ qua tới Cao Miên. Khi hùn với Đinh Thái Sơn, cả hai lập công ty nhà in L'Imprimerie de L'Union , còn gọi tiếng Việt là Đồng Hiệp . Sau cùng, nhà in de L'Union sang lại cho ông Nguyễn Văn Cửa. Ông huyện Cửa vừa mở nhà in, vừa làm khách sạn (phòng ngủ) ở trên lầu của dãy phố 3 căn, nằm trên đường Catinat, tức đường Tự Do, khi CS chiếm miền Nam thời gọi là Đồng Khởi .

Ông Nguyễn Văn Cửa cũng là một người học trò nghèo, có chí. Thuở nhỏ, theo lời cụ Vương Hồng Sển thì thuở hàn vi, cậu bé Nguyễn Văn Cửa không ngần ngại xách đèn lồng theo chị đi bán rong đêm khuya mới đủ sống, cơ cực vô ngần. Thế mà mấy chục năm sau, ai ai cũng biết danh ông. Một đặc sắc nữa, cho đến ngày từ trần, ông chỉ làm ông huyện Cửa (huyện hàm), và đào tạo rất nhiều phủ và đốc phủ sứ danh dự. (Vương Hồng Sển, Sài Gòn năm xưa , trang 248).

Con đầu lòng của bà vợ chánh của ông huyện Cửa là Nguyễn Văn Xuân, sinh năm 1892, mất năm 1991. Ông Xuân thuở nhỏ học chữ Pháp, quốc tịch Pháp, được thân phụ cho qua Pháp du học, tốt nghiệp một trường danh tiếng là Polytechnique .

Trong thế chiến thứ nhất 1914 - 1918, Nguyễn Văn Xuân bị động viên, cấp bậc thiếu úy phục vụ chiến trường Verdun. Thời đệ nhị thế chiến, ông Xuân làm việc tại Nha quân vụ Bộ Thuộc Địa, năm 1944, ông được thăng cấp trung tá pháo binh.

Khi ông Hồ tự phong chính phủ lâm thời trong rừng sâu (16/8/1945), liền mượn đỡ tên ông Nguyễn Văn Xuân, để trong danh sách chính phủ lâm thời mà không bao giờ quen biết trước, hay gặp gỡ hỏi ông Xuân có đồng ý hay không. Cũng như bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, là cháu nội ông Phạm Ngọc Quát, là tuần phủ Khánh Hòa, đã giết ông Trần Quý Cáp để lập công với thực dân, được ông Hồ mượn tên để trong danh sách chính phủ lâm thời để lừa gạt dư luận. Cả hai ông Xuân và Thạch đều là người Nam (quê ông Thạch ở Quảng Nam, nhưng ông sống ở Nam Kỳ), riêng ông Thạch còn là thủ lĩnh của phong trào Thanh niên tiền phong . Thâm ý của ông Hồ là muốn dư luận hiểu lầm rằng cái chính phủ lâm thời tự phong trong rừng qua cái gọi là Quốc dân đại hội dỏm , không có thật, nhưng lại có tên những người trong đoàn thể này, tổ chức nọ... cho có vẻ đủ mọi thành phần và toàn quốc . Đó là một thủ đoạn lừa bịp cho tới nay chưa có ai phác giác (Xem thêm bài: Sự thật về cái gọi Quốc dân đại hội Tân Trào , cùng tác giả).

Là một người thân Pháp, phục vụ cho Pháp từ thuở buổi đầu, ông Nguyễn Văn Xuân được Pháp hoàn toàn tin cậy. Tháng 3/1946, đại tá Nguyễn Văn Xuân cầm đầu một phái đoàn qua Pháp vận động để lập Nam kỳ quốc , là một tổ chức hoàn toàn đối lập với Hồ Chí Minh ngoài Bắc. Khi chính phủ Nam kỳ quốc ra đời với bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh làm thủ tướng, ông

Nguyễn Văn Xuân làm phó thủ tướng. Chỉ được mấy tháng, bác sĩ Thịnh biết mình bị Pháp lừa, nên tự tử giữ tròn khí tiết. Ông bác sĩ Lê Văn Hoạch, người quê ở Phong Điền, Cần Thơ lên thay. Đến tháng 10 năm 1947, ông Nguyễn Văn Xuân được cử thành lập chính phủ lâm thời thay thế chính phủ Lê Văn Hoạch. Các chính phủ này chỉ là của riêng Nam kỳ.

Sau khi qua Hongkong gặp cựu hoàng Bảo Đại, rồi với thỏa ước Bollaert ở Hạ Long ông Xuân được cựu hoàng mời giữ chức chính phủ trung ương lâm thời (chung cho cả VN). Ngày 25/7/1948, chính phủ trung ương lâm thời đầu tiên trình diện trước cựu hoàng Bảo Đại ở Hongkong. Khi cựu hoàng Bảo Đại lãnh đạo chính phủ với tư cách là Quốc trưởng, thì ông Xuân đã được thăng trung tướng, phó thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng. Đến năm 1954, ông Xuân không còn giữ chức vụ gì trong chính phủ nữa. Ngày 29/7/41, Pháp ký thỏa ước phòng thủ chung Đông Dương, thật sự là đầu hàng Nhật, cho phép Nhật đưa quân vào Đông Dương, chiếm các phi trường quân sự. Từ đó, cả Pháp lẫn Nhật đều thi nhau đàn áp, bóc lột dân chúng Đông Dương. Khi Nhật chưa làm chủ Đông Dương, thì toàn quyền Đông Dương được gọi bằng *Gouverneur general de L'Indochine*. Chữ này viết tắt là Gougal. Đến khi Nhật đưa quân vào chiếm đóng Đông Dương (hay Đông Pháp), thì toàn quyền Đông Dương được gọi bằng *Haut commissaire de France en Indochine*, tức giai đoạn của De Catroux và Decoux), viết tắt là Haussaire, tức Cao Ủy Pháp tại Đông Dương.

Thời kỳ này Lục Tỉnh Tân Văn làm tôi cho hai chúa: Pháp lẫn Nhật. Phải có một đường lối khéo léo mới không làm hai ông chủ phật lòng. Đó là giai đoạn Lục Tỉnh Tân Văn vừa ca ngợi Thống chế Pétain, vừa loan tin quân Nhật chiến thắng Đồng minh trên khắp các mặt trận Đông nam Á.

Nét nổi bật của thời kỳ từ năm 1940-45 được các vị cao niên, cũng như chính thân mẫu tôi (sinh năm 1911) thường kể lại, thì đó là thời *đồ khổ*. Lý do thứ nhất là thuộc địa Đông Pháp vì chiến tranh, nên gián đoạn với mẫu quốc bên Âu Châu. Thứ hai cả hai đế quốc Pháp Nhật đều ra sức bóc lột để cung ứng cho chiến tranh. Tuy nhiên, bề mặt, mỗi nước đều nêu lên một chiêu bài để lừa bịp dân bản xứ. Chiêu bài của Pháp lúc bấy giờ là hướng thanh niên vào các công cuộc tranh tài thể thao: đá banh, đua xe đạp, còn học sinh thì được chính phủ cung cấp phương tiện để cắm trại tại Suối Lò Ô (gần núi Châu Thới, Biên Hòa), cho thanh niên sinh viên miền Nam, hoặc thăm viếng những danh lam thắng cảnh, những di tích lịch sử như đền Hùng Phú Thọ, cho thanh niên sinh viên miền Bắc. Thực tế đời sống của dân quê cùng cực đến tuyệt vọng. Bao nhiêu thứ vật dụng hàng ngày từ cây kim, sợi chỉ, vải thô may quần áo, xăng dầu... đều khan hiếm trên thị trường. Dân thành thị, đôi khi còn mua được vài món hàng gia dụng như diêm quẹt, muối, xà phòng... theo phiếu cung cấp, nhưng rất hạn chế. Đường, sữa là những thứ xa xỉ phẩm chỉ dành cho hạng nhà giàu.

Dân miền Nam thiếu các vật dụng, phải sống đời *đồ khổ* nhưng lại có nhiều lúa gạo, cá tôm dưới sông, trên ruộng, tha hồ ăn không hết. Còn dân chúng miền Bắc và vài tỉnh bắc Trung Kỳ, thì lại thiếu lúa gạo, ăn khoai, bắp, củ chuối, cuối cùng, rồi gặp thứ gì ăn nấy, như cỏ, rơm cho súc vật. Kết quả, miền Nam sống nheo nhóc, cơ cực như thú vật, còn miền Bắc người đói, chết như rạ.

Trong ký ức lờ mờ cũng như sự hiểu biết của một vài đứa trẻ lên 5, lên 6, tôi còn giữ lại một số hình ảnh về thời *đồ khổ* của dân Nam kỳ. Ban đầu, họ mặc vải thô, xấu, tự dệt lấy, gọi là *vải ta nhuộm đen*. Dân thành thị mặc đồ bằng thứ vải Xiêm (Thái Lan). Tiếp tục vải ta không đủ mặc, người ta sáng chế ra áo quần bằng bao bố, thứ bao đựng lúa, may bằng chỉ gai. Cũng

có gia đình, cả nhà chỉ một cái quần bằng bao bố. Khi một người cần đi xóm, đi chợ, được ưu tiên mặc quần bao bố, những người còn lại thì dùng đệm lác, đệm bàng, quần quanh mình, phía dưới bụng, đàn bà cũng như đàn ông.

Tôi nghe kể lại thời kỳ đồ khổ ở Sóc Trăng, Cà Mau, nhiều gia đình cũng mặc đồ bằng đệm bàng. Trẻ em ở trần trụi trực, mình đen sạm nắng vì trong nhà luôn luôn có hun khói để khỏi bị muỗi cắn. Vì thiếu diêm quẹt, mỗi nhà giữ lửa bằng cách đốt than củi trên bếp suốt ngày đêm. Mỗi khi lửa tắt, người ta dùng hai viên đá xanh quẹt vào nhau, làm cho xẹt lửa rồi dùng một thứ bột là bột phấn bên ngoài của bẹ cây đủng đỉnh để mồi lửa. Bông gòn là thứ xa xỉ không thể gì có được. Vì ăn mặc bao bố, nên nhiều người không thể giặt hàng ngày, làm chỗ cho chí (trên đầu), rận (trong mình) và rệp (ngay trên giường ngủ),

Ba loại ký sinh đó là một thứ kinh hồn của dân quê thời đồ khổ. Mỗi buổi sáng, nhà nào cũng có người ngồi, người bắt chí cho nhau. Cảnh đó rất nhiều và rất tự nhiên. Vì không có xà phòng, nên ai có quần áo bằng vải ta, vải ú hay vải Xiêm thì giặt bằng nước tro ngâm trong các hũ đựng đường chảy (đường thốt nốt chưa đặc). Vải nội hóa thời đó được xe bằng sợi gai lớn, do máy rất thô sơ, nên khi may thành quần áo, mặc bùng bùng rất dễ rách. Kim may thì làm bằng dây kẽm, mài nhọn một đầu, rồi dùi lỗ ở đầu kia, để xỏ chỉ may. Chỉ thì được tước trong lúa dứa, lá khóm (thơm) đập giập, rồi tước ra từng sợi chỉ để may. Thời buổi này, tôi còn nhớ được một câu hát như sau: Thà cha mẹ bận xô, bận tổ để con bận bố tời... Xô, tổ là những thứ hàng lụa tốt, bận có nghĩa là mặc.

Ban đêm, có nhà đốt đèn bằng dầu mù u, hoặc dầu cá, còn nhà nghèo quá thì ở thềm, đi ngủ sớm. Trái mù u, đập cho giập, nấu thành dầu để đốt đèn, khói đen bay lên rất nhiều, làm khó chịu, nhưng sống trong cảnh khổ lâu ngày rồi cũng quen. Thường gọi dầu mù u, thật ra không có đèn, mà chỉ có cây rọi, tức trái mù u đập giập, xe thành cây tựa cây nhang, có tim ở giữa để đốt.

Ở Saigon và các tỉnh ly, phương tiện chuyên sử dụng máy đều thay xăng dầu bằng alcohol và than củi vì than đá phải cung cấp cho Nhật. Xe đạp thời đó xài bánh đặc, vì nhiều cao su, nhưng lại thiếu chỉ gai và thép. Xe bánh đặc thì nặng nề, dần xóc khi chạy trên đường đá, ê ẩm mình mẩy. Y tế và thuốc men ở thôn quê hoàn toàn không có. Dân quê phải tự túc, bằng dầu mù u hoặc mũ để nguyên chất, xức vào các mục ghê như bây giờ thoa pommade, không biết tác dụng ra sao, nhưng thời đó rất thông dụng. Sống thiếu thốn, mất vệ sinh là môi trường sinh bệnh, nhứt là bệnh dịch. Vì thế, người Nhật ra lệnh đổ trái cây như khóm, dứa, xoài... xuống sông và không ai dám vớt ăn. Hồi đó, trái vú sữa không ai ăn. Người giàu trồng cây vú sữa chỉ để lấy bóng mát.

Cuộc sống dân quê Nam kỳ thâm như súc vật. Trước bối cảnh miền Nam đồ khổ, miền Bắc chết đói hàng triệu người... tạo ra môi trường để Việt Minh cộng sản hư trương thanh thế, quí quyết lừa dối đồng bào, để đạt mục đích: chờ cơ hội cướp chính quyền vào tháng 8/1945. Còn phía hai ông chủ Pháp và Nhật đua nhau bóc lột, nhưng lại núp dưới chiêu bài đẹp đẽ: Pháp thì có phong trào thể thao Ducuroy, mở trường học, nâng cao dân trí, Nhật thì ra sức tuyên truyền cho khối thịnh vượng chung Đại Đông Á, Cuối cùng Pháp và Nhật kẻ trước người sau sụp đổ, còn dân tộc Việt Nam phải trải qua một thời gian dài nữa, mới thấy được bộ mặt thật của Việt Minh cộng sản, còn tàn bạo hơn thực dân và phong kiến gấp nhiều lần.

Hứa Hoàn - (04/25/02)

Đính chánh

(Đoạn văn sau đây do chính tác giả Lâm Vĩnh Thế hiệu đính lại cho đúng sự thật về vài chi tiết trong bài viết của Ông Hứa Hoàn. Độc giả có thể có thêm thông tin về mối liên hệ giữa gia đình tác giả Lâm Vĩnh Thế và gia đình Ông Nguyễn Văn Cửa trong bài viết Lục Tỉnh Tân Văn: Một Trong Những Tờ Báo Sống Lâu Nhứt Tại Nam Kỳ Trước Năm 1945, của tác giả Lâm Vĩnh Thế cũng đăng trong website Nam Kỳ Lục Tỉnh này; xin đặc biệt chú ý đến các Ghi chú số 18 và 20, và Phụ Đính I)

Ba tôi, Lâm Thiên Tích (trong giấy tờ chánh thức thì ghi là Lâm Đình Thâm), rất ghét Tây, trọn đời không chịu đi làm cho Pháp. Ông làm cho nhà in Nguyễn Văn Cửa, và sau đó làm ký giả cho báo Lục Tỉnh Tân Văn. Tôi có được xem cái thẻ ký giả của ba tôi, do mẹ tôi cất giữ, rất tiếc, bây giờ không tìm ra. Ông Huyện Lâm Văn Ngộ, Chủ Bút tờ báo Lục Tỉnh Tân Văn chính là ông nội của tôi. Ông Nguyễn Văn Cửa chính là ông dượng của tôi. Sau khi bà vợ lớn mất, ông Cửa tục huyền với bà vợ thứ hai, chính là chị lớn của ông nội tôi. Bà vợ lớn là thân mẫu của Trung Tướng Nguyễn Văn Xuân. Bà chị của ông nội tôi ăn ở với ông Cửa chỉ sanh được một người con gái, cô Louise Nguyễn Thị Nhựt, rồi mất sớm. Cô Louise cũng mất lúc được 18 tuổi. Ông Huyện Cửa lại tái hôn một lần nữa, lần này là lần thứ ba, sanh rất nhiều con cho ông. Người con gái út là cô

Mười Marcelle, cũng chính là vợ của dược sĩ La Thành Nghệ, chủ nhà thuốc tây và công ty dược phẩm La Thành. Hiện tôi còn giữ được một tấm ảnh chụp tại văn phòng của nhà in Nguyễn Văn Cửa. Ba tôi và ông nội tôi (em vợ của ông Cửa) cũng làm tại nhà in này, ngồi đối diện với nhau tại một cái bureau (bàn viết) rất lớn. Ba tôi (Lâm Thiên Tích) mất tháng giêng năm 1948.